

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2023 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 4686/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ thể thực hiện: Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch, chủ thể bao gồm: Các đối tượng trên và các hội/hiệp hội, Trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương.

2. Sản phẩm: Các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ du lịch có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị văn hoá, lợi thế của địa phương; đặc biệt là các

sản phẩm đặc sản vùng miền, sản phẩm làng nghề, dịch vụ du lịch dựa trên các thế mạnh, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, tri thức và văn hoá bản địa. Sản phẩm được phân theo 6 nhóm, gồm:

a) Nhóm thực phẩm, gồm: Nông, thủy sản tươi sống; nông, thủy sản sơ chế, chế biến và các thực phẩm khác.

b) Nhóm đồ uống, gồm: Đồ uống có cồn, đồ uống không cồn.

c) Nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, gồm: Sản phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược, tinh dầu và dược liệu khác.

d) Nhóm hàng thủ công mỹ nghệ, gồm: Các sản phẩm từ gỗ, sợi tự nhiên, kim loại, gốm sứ, dệt may, thêu ren... làm đồ lưu niệm, đồ trang trí, đồ gia dụng.

đ) Nhóm sinh vật cảnh, gồm: Hoa, cây cảnh, động vật cảnh.

e) Nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Tăng cường chuyển đổi số trong truyền thông; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hoá sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nhưng không quá 50 triệu đồng/sản phẩm.

2. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: Hỗ trợ biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm OCOP: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/điểm.

3. Chi hỗ trợ chi phí bao bì, in tem: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% tổng kinh phí nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/sản phẩm.

4. Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên, gồm:

a) Chi cho thành viên Hội đồng, tổ tư vấn đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh và huyện, cụ thể:

- Chủ tịch và phó chủ tịch Hội đồng: 1.000.000 đồng/người/ngày.

- Thành viên hội đồng: 750.000 đồng/người/ngày.

- Thư ký, tổ giúp việc: 600.000 đồng/người/ngày.

b) Chi phí hội trường, trang trí, in ấn, photo tài liệu, phiếu chấm điểm...: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%, mức chi theo thực tế phát sinh nhưng không vượt quá 30 triệu đồng/cuộc.

5. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Nội dung chi tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này và các nội dung quy định tại Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12

tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được phép chi từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn lồng ghép khác.

6. Riêng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương được chi thêm các nội dung sau:

a) Chi hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực: Nội dung và mức chi thực hiện theo Điều 1 Nghị quyết số 186/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thực hiện.

b) Chi thông tin, tuyên truyền Chương trình, sản phẩm OCOP đa dạng hoá bằng các hình thức truyền thông mạng xã hội, tạp chí, bản tin, chuyên đề, tài liệu (sổ tay, cẩm nang...), công thông tin điện tử: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thực hiện.

c) Chi hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP mới, nâng cấp thứ hạng sao cho các sản phẩm đã được chứng nhận: Hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản để phát triển, chuẩn hoá sản phẩm gắn với lợi thế của từng địa phương: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% nhưng không vượt quá 200 triệu đồng/sản phẩm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (Vụ Pháp chế);
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH, Báo Lâm Đồng;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Tích hợp DL và Chuyển đổi số tỉnh;
- TT Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận